TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 381/2020/HNGĐ-ST;
Ngày: 30/7/2020;
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy;**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Trung Trực;**

2/ Ông **Nguyễn Hoa Kiều**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên**, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Tuyết Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 và ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXX-ST ngày 18/6/2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Nguyễn Tấn A**, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện M, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn:* **Đinh Phương Thái B, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Tấn A trình bày:

Về tình cảm: Anh và chị B cưới nhau vào năm 2013, do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung vào ngày 04/11/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc cho đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau thường xuyên tranh cải dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc, anh A đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Nay anh A thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên anh xin ly hôn với chị B.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoài C, sinh năm 16/11/2014, cháu C hiện đang sống với chị B. Khi ly hôn, anh A giao chị B tiếp tục nuôi dưỡng cháu C, anh A cấp dưỡng cho cháu C theo qui định pháp luật.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Đinh Phương Thái B trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh A về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn dẫn đến việc anh A xin ly hôn nhưng chị B cho rằng mâu thuẫn anh A trình bày không phải mâu thuẫn lớn để anh chị ly hôn, chị chỉ mâu thuẫn với anh chị của anh A chứ không phải anh A. Nay chị còn thương chồng thương con nên chị muốn cho con có gia đình đầy đủ nên chị không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoài C, sinh năm 16/11/2014, cháu C hiện đang sống với chị B. Khi ly hôn, chị B đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu C, chị B yêu cầu anh A cấp dưỡng cho cháu C theo qui định pháp luật.

- Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị có căn nhà xây dựng trên phần đất nhà anh A cho anh A đứng tên tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Căn nhà này chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, anh A trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị B có mâu thuẫn với gia đình anh A, vợ chồng anh ly thân từ giữa tháng 05/2020. Anh A cương quyết xin ly hôn, không chấp nhận đoàn tụ và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa, chị B trình bày: Giữa chị và anh A không có mâu thuẫn, chị có mâu thuẫn với cha mẹ, anh chị em của anh A. Nay anh A xin ly hôn, chị không đồng ý và chị xin thời gian để vợ chồng chị hàn gắn tình cảm. Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn, chị B yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chị B không tranh chấp.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Về nội dung xét thấy mâu thuẫn của anh chị trầm trọng, không có khả năng hàn gắng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Anh Nguyễn Tấn A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Đinh Phương Thái B, giải quyết vấn đề con chung giữa anh chị, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn đang cư trú và sinh sống tại ấp N, xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh A, Tòa nhận thấy: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất khai nguyên nhân anh A xin ly hôn với chị B là do chị B

có mâu thuẫn với người nhà anh A, anh A đã nhiều lần khuyên can nhưng không được, giữa anh chị không có mâu thuẫn, anh chị ly thân từ giữa tháng 05/2020; đồng thời chị B xin thời gian để hàn gắn tình cảm với anh A. Do đó xét thấy giữa anh A và chị B không có mâu thuẫn, thời gian ly thân ngắn, tình cảm có khả năng hàn gắn nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh A.

[4] Do Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh A nên vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Anh A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Tấn A đối với chị Đinh Phương Thái B.

2. Án phí: Anh Nguyễn Tấn A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003631 ngày 29/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, như vậy anh A đã thi hành xong.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.